

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

Về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018;

2. Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022;

3. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025;

4. Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải¹.

¹ Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau.

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, bao gồm:

a) Thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;

b)² **(được bãi bỏ)**

c) Khảo sát phục vụ Thông báo hàng hải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.”

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025.

d) Điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải;

đ) Khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải;

e) Thông tin điện tử hàng hải;

g) Hoa tiêu hàng hải;

h) Thanh thải chương ngại vật;

i) Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải.

2. Các dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải khác không quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc (sau đây viết tắt là vùng hoa tiêu bắt buộc) là phần giới hạn trong vùng nước cảng biển hoặc khu vực khai thác dầu khí ngoài khơi, được xác định từ vùng đón trả hoa tiêu đến cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển, cảng dầu khí ngoài khơi và ngược lại mà tàu biển khi di chuyển phải sử dụng hoa tiêu dẫn tàu theo quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam. Một vùng hoa tiêu bắt buộc bao gồm một hoặc nhiều tuyến dẫn tàu.

2. Tuyến dẫn tàu là tuyến hành trình của tàu thuyền do hoa tiêu dẫn từ vùng đón trả hoa tiêu vào cầu cảng, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, nhà máy đóng - sửa chữa tàu biển của một cảng biển hoặc cảng dầu khí ngoài khơi thuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.

3. Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải là dịch vụ thiết lập, quản lý vận hành và khai thác mạng viễn thông hàng hải; thực hiện cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải, các dịch vụ thông tin, điện tử khác để duy trì thông tin cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai, công tác an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường hàng hải.

4. Thông báo hàng hải là văn bản cung cấp thông tin, chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

5. Pháo hiệu hàng hải là pháo hiệu sử dụng trong công tác an toàn hàng hải, tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, bao gồm: Các loại pháo hiệu, đuốc cầm tay và tín hiệu khói nổi thỏa mãn các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 4. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải tại Việt Nam chỉ được hoạt động khi bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải được cung cấp phải phù hợp với quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thực tế hoạt động hàng hải tại khu vực.

Điều 4a. Nguyên tắc về thực hiện thủ tục hành chính³

1. Mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử; trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Chương II

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI

Mục 1

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ THIẾT LẬP, VẬN HÀNH, DUY TRÌ, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI, LUỒNG HÀNG HẢI VÀ TUYẾN HÀNG HẢI

Điều 5. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải⁴

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 58 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 6. Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng⁵

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

Mục 2

**ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ KHẢO SÁT
PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI**

Điều 7. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải⁶

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 8. Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải⁷

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

Mục 3⁸ (được bãi bỏ)

Mục 4

**ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỀU TIẾT
BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI**

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 48 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 49 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 50 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁸ Mục này bao gồm các Điều 9, Điều 10 được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025.

Điều 11. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng⁹

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 12. Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng¹⁰

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

Mục 5

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ KHẢO SÁT, XÂY DỰNG VÀ PHÁT HÀNH HẢI ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, LUỒNG HÀNG HẢI VÀ TUYẾN HÀNG HẢI; XÂY DỰNG VÀ PHÁT HÀNH TÀI LIỆU, ẢN PHẨM AN TOÀN HÀNG HẢI

Điều 13. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp¹¹

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ản phẩm hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về tổ chức và vốn như sau: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 14¹². (được bãi bỏ)

Mục 6

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HÀNG HẢI

Điều 15. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp¹³

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 51 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 52 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải đáp ứng các điều kiện về tổ chức và vốn như sau: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động.

Điều 16¹⁴. (được bãi bỏ)

Mục 7

ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 17. Điều kiện về tổ chức và vốn của doanh nghiệp

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ tối thiểu 75% vốn điều lệ.

Điều 18. Điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất¹⁵

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải có đủ số lượng hoa tiêu tối thiểu đã được cấp giấy chứng nhận vùng hoạt động phù hợp với tuyến dẫn tàu được giao. Việc xác định số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng và số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu được thực hiện như sau:

1. Số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ theo tuyến dẫn tàu, số lượng tàu và trọng tải tàu hoạt động trên tuyến trong 03 năm trước đó (đối với tuyến dẫn tàu mới mở thì số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ trên số lượng tàu và trọng tải tàu dự báo hoạt động trên tuyến đó trong 03 năm đầu tiên); số ngày làm việc tối đa hàng năm của người lao động theo quy định của pháp luật. Số lượng hoa tiêu tối thiểu trên mỗi tuyến phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu và tối thiểu 10% dự trữ trên tổng số hoa tiêu.

2. Số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu được xác định căn cứ vào số lượt tàu được dẫn hàng năm của doanh nghiệp hoa tiêu và điều kiện hàng hải tại khu vực dẫn tàu.

3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam công bố số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng và số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu của mỗi tuyến dẫn tàu; giao vùng hoa tiêu bắt buộc và tuyến dẫn tàu cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu theo nguyên tắc một tuyến dẫn tàu chỉ do một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải đảm nhận.

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

¹⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 19. Thủ tục giao tuyến dẫn tàu¹⁶

1. Hồ sơ đề nghị giao tuyến dẫn tàu bao gồm:

- a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Danh sách hoa tiêu;
- c) Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu kèm theo bản sao hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó.

2. Trình tự giao tuyến dẫn tàu:

a) Công ty hoa tiêu gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

b) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn công ty hoa tiêu hoàn thiện lại hồ sơ;

c) Trường hợp nhận trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản gửi công ty hoa tiêu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xem xét thẩm định hồ sơ và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Bộ Xây dựng có văn bản trả lời; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có văn bản trả lời cho công ty hoa tiêu;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quyết định giao tuyến dẫn tàu cho công ty hoa tiêu.

Mục 8¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 20¹⁸. (được bãi bỏ)

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 54 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁷ Mục này bao gồm các Điều 20, Điều 21 được bãi bỏ theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 21¹⁹. (được bãi bỏ)**Mục 9****ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ
NHẬP KHẨU PHÁO HIỆU HÀNG HẢI****Điều 22. Điều kiện kinh doanh dịch vụ nhập khẩu pháo hiệu hàng hải²⁰**

1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải²¹

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, bao gồm:
 - a) Văn bản đề nghị nhập khẩu pháo hiệu hàng hải, trong đó ghi rõ chủng loại, số lượng, nước sản xuất, quy cách sản phẩm, đặc điểm và công dụng, ký mã hiệu, thời hạn sử dụng của từng loại; thời hạn nhập khẩu;
 - b) Bản dịch có chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước sản xuất xác nhận việc pháo hiệu hàng hải đã được thử nghiệm phù hợp với các quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế;
 - c) Báo cáo của tổ chức, cá nhân về tình hình thực hiện Giấy phép nhập khẩu của năm trước đó và bản theo dõi Giấy phép nhập khẩu của Chi cục Hải quan cửa khẩu (nếu có).
2. Trình tự cấp giấy phép:
 - a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở giao dịch của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
 - b) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định;

¹⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

¹⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 56 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

²⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

c) Trường hợp nhận trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải trong trường hợp pháo hiệu hàng hải đã hết thời hạn sử dụng hoặc có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²²**

²² Điều 7 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./”

Điều 6 của Nghị định số 69/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.”

Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 34/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 04 năm 2025. Riêng các biểu mẫu số 42, 43, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 57 quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 04 năm 2027.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các bến cảng, cầu cảng đã được phép tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đang khai thác an toàn nhưng chưa có Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này thì được tiếp tục tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải chậm nhất 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Sau 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các bến cảng, cầu cảng không có phương án bảo đảm an toàn hàng hải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì không được phép tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017; riêng các quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bãi bỏ các Nghị định và quy định sau:

a) Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

b) Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của hoa tiêu hàng hải;

c) Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy phép quy định tại Mục II (Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải) của Phụ lục II (Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và thuộc diện quản lý chuyên ngành) ban hành kèm theo Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 137, Điều 138 và Điều 139 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 137. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 138 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Điều 38 và khoản 2 Điều 43 của Nghị định này có hiệu lực thi hành khi Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 138. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm tại các Nghị định của Chính phủ có liên quan

1. Bãi bỏ một số điều, khoản và Phụ lục của Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

a) Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37, Điều 39 và Điều 44;

b) Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 38;

c) Bãi bỏ khoản 5 Điều 45;

d) Bãi bỏ mục 1 và các Mẫu 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 mục 2 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP;

đ) Bãi bỏ Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

3. Bãi bỏ Điều 14 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 139. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

Các doanh nghiệp đang thực hiện việc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được tiếp tục thực hiện; trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm ban hành các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; hướng dẫn và chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: /VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
CÁC MẪU VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI
(Kèm theo Nghị định số 70/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số	Tên mẫu văn bản
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải
Mẫu số 02	Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

TÊN CÔNG TY

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải****Kính gửi:** Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên công ty:

Người đại diện theo pháp luật:

Mã số đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam giao tuyến dẫn tàu hoa tiêu hàng hải dưới đây cho công ty:

1. Tuyến dẫn tàuthuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

2. Tuyến dẫn tàuthuộc vùng hoa tiêu bắt buộc.....

.....

Văn bản kèm theo:

1. Danh sách hoa tiêu các hạng (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận khả năng hoa tiêu hàng hải và bản sao Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải của từng hoa tiêu).

2. Bản kê khai phương tiện đưa, đón hoa tiêu (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện đó).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../GP-...

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP
Nhập khẩu pháo hiệu hàng hải

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Nghị định số ...;

Căn cứ công văn số của

Cho phép: (ghi tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư), ngày cấp, cơ quan cấp; địa chỉ, điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu) nhập khẩu pháo hiệu hàng hải với chủng loại, số lượng như sau:

1.
2.
3.

(Ghi rõ chủng loại, số lượng, ký mã hiệu, nước sản xuất của từng loại pháo hiệu).

Tổ chức cá nhân được phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa, chất lượng hàng hóa và sử dụng đúng mục đích cho phép.

Giấy phép có giá trị đến ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
 QUYỀN CẤP**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

²³ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 57 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.